

Số: Kon04/2026

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2026

[illegible]

Vĩnh Sơn C	Mức nước (H, m)	972.40	972.40	972.41	972.42	972.40	972.40	972.40	972.40	972.40
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)	1.24	0.83	1.24	0.83	1.65	1.21	0.98	0.87	0.83
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Vĩnh Sơn 4	Mức nước (H, m)									
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)									
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)									
Vĩnh Sơn 5	Mức nước (H, m)					153.70	154.20	154.65	154.95	154.95
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)					9.31	8.33	7.15	5.93	4.77
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)					4.31	4.33	3.15	3.93	4.77
Trà Xom 1	Mức nước (H, m)	653.10	653.10	653.10	653.11	653.15	653.25	653.30	653.35	653.4
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)	0.00	0.00	0.00	0.00	4.47	3.60	3.19	3.03	2.96
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Định Bình	Mức nước (H, m)				68.42	68.43	68.45	68.45	68.46	68.47
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)					9.64	8.66	7.26	7.83	8.54
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)					7.00	7.00	7.00	7.00	7.00
Núi Một	Mức nước (H, m)				37.29	37.25	37.25	37.25	37.25	37.25
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				0.01	0.06	0.01	0.01	0.02	0.02
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Thuận Ninh	Mức nước (H, m)				60.33	60.3	60.3	60.3	60.3	60.3
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				0.01	0.19	0.1	0.1	0.12	0.13
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Văn Phong	Mức nước (H, m)				24.81	24.85	24.90	24.90	24.90	24.85
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				18.47	18.32	18.27	18.22	18.72	18.63
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				11.25	11.25	11.25	11.25	11.25	11.25

II - Hiện trạng công trình

1) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn A tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 766.76 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.94 m³/s

- Số cửa xả đáy đang mở: cửa

- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

2) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn B tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 816.42 m

- Lưu lượng đến hồ: 0.96 m³/s

- Số cửa xả đáy đang mở: cửa

- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

3) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn C tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 972.42 m

- Lưu lượng đến hồ: 0.83 m³/s

- Số cửa xả đáy đang mở: cửa

- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

4) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 4 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: m

- Lưu lượng đến hồ: m³/s

- Số cửa xả đáy đang mở: cửa

- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

5) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 5 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: m

- Lưu lượng đến hồ: m³/s

- Số cửa xả đáy đang mở: cửa

- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

6) Hồ chứa thủy điện Trà Xom 1 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 653.11 m

- Lưu lượng đến hồ: m³/s

- Số cửa xả đáy đang mở: cửa

- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

7) Hồ chứa thủy điện Định Bình tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 68.42 m

- Lưu lượng đến hồ: m^3/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

8) Hồ chứa thủy điện Núi Một tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 37.29 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.01 m^3/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

9) Hồ chứa thủy điện Thuận Ninh tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 60.33 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.01 m^3/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

10) Hồ chứa thủy điện Văn Phong tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 24.81 m
- Lưu lượng đến hồ: m^3/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa